TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày: 25 - 4 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh văn Thanh.

2. Ông Trần Văn Lĩnh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 36/2023/TLST–DS ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Chị B, sinh năm 1987; địa chỉ: 232 Tân Tỉnh A, xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, là đại diện theo ủy quyền của bà N.

- *Bị đơn:*

1. Ông A, sinh năm 1967;

2. Bà T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chị B, bà T có mặt, ông A vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/01/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị B đại diện nguyên đơn trình bày:

Bà N là chủ tiệm kinh doanh, buôn bán ống nước Nguyệt Nghĩa, tại ấp Hiệp Quới, xã Hiệp Đức, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Vào ngày 21/02/2021 (Ngày 10/01/2021 âm lịch), vợ chồng ông A, bà T có mua của bà N một số ống nước để về lắp đặt hệ thống tưới tiêu cho vườn của ông A, bà T, còn nợ lại số tiền là 38.911.000 đồng. Khi mua do ông A, bà T không có tiền trả hết nên có xin bà N cho nợ lại 01 tháng sau sẽ trả. Do là khách hàng thân thiết nên bà N cũng đồng ý, lúc này ông A, bà T có làm biên nhận cho bà N.

Tuy nhiên khi đến thời hạn trả tiền ông A, bà T không trả tiền cho bà N như đã hứa nên nhiều lần bà N yêu cầu ông A, bà T phải trả cho bà N số tiền mua ông nước là 38.911.000 đồng nhưng ông A, bà T cứ hứa hết lần này đến lần khác, đến nay không trả tiền cho bà N.

Việc vợ chồng ông A, bà T mua ống nước của bà N nhưng không trả tiền thời gian qua đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N rất nhiều. Vì vậy, bà N yêu cầu ông A, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà N số tiền 38.911.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải ngày 10/02/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà T trình bày:

Bà thừa nhận bà và chồng của bà là ông A có mua ống nước của bà N, còn nợ số tiền 38.911.000 đồng, nhưng sau đó bà có trả cho bà N 10.000.000 đồng, còn nợ lại 28.911.000 đồng. Tuy nhiên, bà N không thừa nhận nhưng bà không có biên nhận của bà N nên bà đồng ý trả cho bà N số tiền 38.911.000 đồng, xin trả trong thời hạn 2,5 tháng.

Nguyên đơn không đồng ý cho trả chậm theo yêu cầu của bà T.

Ông A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông A theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu của bà N, thấy rằng:

Tại giấy biên nhận ngày 10/01/2021 âm lịch, thể hiện bà T có nợ tiền mua ống nước của bà N là 38.911.000 đồng, có chữ ký và chữ viết của ông A, bà T. Tại phiên tòa bà T đồng ý trả cho bà N số tiền 38.911.000 đồng, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời ông A không phản đối yêu cầu khởi kiện

của bà N nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Việc ông A, bà T mua ống nước của bà N nhưng khi đến hạn trả tiền mà ông A, bà T không thực hiện là vi phạm hợp đồng, là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua đối với bên bán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N. Buộc ông A, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho bà N số tiền 38.911.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu trả chậm của bà T là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi đến quyền lợi của bà N và không được bà N đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông A, bà N phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 288, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

2. Buộc ông A và bà T có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho bà N số tiền 38.911.000 đồng (Ba mươi tám triệu chín trăm mười một nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà N có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông A, bà T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Ông A và bà T phải chịu 1.945.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà N 972.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0017172 ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà N, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSNDhuyện Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự H.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức